

## Bài 2 MÙA NƯỚC NỔI (6 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng VB *Mùa nước nổi* với tốc độ đọc phù hợp; biết nghỉ hơi sau mỗi đoạn. Hiểu và chỉ ra được những chi tiết cho thấy đặc trưng của cảnh vật trong mùa nước nổi ở miền Nam. Từ đó, hiểu được lí do tại sao người miền Nam lại gọi là mùa nước nổi chứ không phải mùa nước lũ.
2. Viết đúng chính tả một đoạn văn ngắn trong VB *Mùa nước nổi* theo hình thức nghe – viết; biết cách trình bày đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu câu. Làm đúng các BT chính tả phân biệt *c/ k*, *ch/ tr* hoặc *ac/ at*. Viết đoạn ngắn tả một đồ vật cần dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.
3. Phát triển vốn từ ngữ về mùa, nói được tên và đặc điểm các mùa ở miền Bắc và miền Nam nước ta; biết cách dùng *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* ở cuối câu.
4. Tìm đọc được một câu chuyện, bài thơ viết về các mùa trong năm.
5. Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, tình yêu đối với những vùng đất khác nhau trên đất nước.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm của VB miêu tả; nắm được nội dung VB *Mùa nước nổi*; cách dùng từ ngữ giàu cảm xúc, giàu hình ảnh để miêu tả cảnh vật.

#### 2. Phương tiện dạy học

- Sưu tầm tranh ảnh về mùa nước nổi ở miền Nam.
- Phiếu học tập: có thể làm phiếu BT chính tả hoặc phiếu BT phần *Luyện từ và câu*.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Chuyện bốn mùa*) và nói về một số điều thú vị trong bài học đó.

#### ĐỌC

##### 1. Khởi động

- GV yêu cầu HS đọc nhanh đề, quan sát tranh minh họa và đoán nội dung của VB.
- HS làm việc nhóm, dựa vào tranh minh họa, trao đổi với nhau về cảnh vật trong tranh (Một số câu hỏi gợi ý: *Bức tranh vẽ cảnh gì? (cảnh sông nước mênh mông...); Cảnh này gợi cho em cảm xúc gì?...)*. Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV khuyến khích HS kể thêm những hình ảnh giúp em liên tưởng tới những trải nghiệm của bản thân liên quan đến sông nước.
- GV nhận xét chung và dẫn sang phần *Đọc*.

##### 2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV đọc mẫu toàn VB, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn, HS đọc thầm theo.
- + GV nêu một số từ ngữ có thể khó phát âm để HS luyện đọc *sút ướt, đồng ruộng, phù sa, rờn rờn, đồng sâu, lắt léo,...*
- + GV kết hợp hướng dẫn HS ngắt, nghỉ ở những câu dài. (VD: *Nước trong ao hồ,/ trong đồng ruộng của mùa mưa/ hoà lẫn với nước dòng sông Cửu Long;...*)
- + GV mời 4 HS đọc nối tiếp bài đọc (HS1 đọc từ đầu đến *qua ngày khác*; HS2 đọc đoạn tiếp theo đến *sông Cửu Long*; HS3 đọc đoạn tiếp theo đến *tận đồng sâu*; HS4 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc nối tiếp trong nhóm.
- + GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* và một số từ khó khác (VD: *dầm dề*: ý nói mưa kéo dài; *sút ướt*: ý nói mưa buồn; *lắt léo*: ý nói chông chênh, không vững chắc ở trên cao;...).
- Luyện đọc theo cặp/ nhóm:
- + HS đọc nối tiếp bài đọc theo cặp/ nhóm 4 (như 4 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.
- + GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc VB, tuyên dương HS đọc tiến bộ.
- GV và HS đọc toàn VB.
- + 1 – 2 HS đọc thành tiếng cả VB.
- + HS đọc đồng thanh toàn VB.
- + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

### 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** Vì sao người ta gọi là mùa nước nổi mà không gọi là mùa nước lũ?

- GV mời một HS đọc câu hỏi trong SHS.
- GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.
- + Từng HS tìm trong bài đọc ý trả lời cho câu hỏi (đoạn 1), thảo luận nhóm.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- GV và HS thống nhất câu trả lời (Người ta gọi là mùa nước nổi mà không gọi là mùa nước lũ vì nước lên hiền hoà).

**Câu 2.** Cảnh vật trong mùa nước nổi thế nào?

- GV mời một HS đọc câu hỏi trong SHS và cho HS hoạt động nhóm.
- + GV hướng dẫn HS luyện tập theo nhóm (nhóm 3) trên phiếu BT. Nhóm trưởng phân công mỗi HS trong nhóm sẽ ghi vào phiếu BT một đặc điểm của cảnh vật theo gợi ý.
- + Từng HS viết đáp án trên phiếu BT và nêu đáp án của mình trong nhóm.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- GV và HS thống nhất câu trả lời (VD: Trong mùa nước nổi, nước dâng cao, nước trong ao hồ, trong đồng ruộng hoà lẫn với nước sông Cửu Long, vườn tược, cây cỏ được bồi đắp phù sa, cá rồng rồng bơi thành từng đàn, theo cá mẹ xuôi theo dòng nước, vào tận đồng sâu.).

**Câu 3.** Vì sao vào mùa nước nổi, người ta phải làm cầu từ cửa trước vào đến tận bếp?

- GV tổ chức cho HS trả lời câu 3 như câu 1.
- GV và HS thống nhất câu trả lời (VD 1: Vào mùa nước nổi, người ta phải làm cầu từ cửa trước vào đến tận bếp vì nước ngập lên những viên gạch, không đi lại được.).

**Câu 4.** Em thích nhất hình ảnh nào trong bài?

- Cả lớp:
- + GV mời một HS đọc câu hỏi trong SHS.
- + GV mời 2 HS làm mẫu: một HS đọc câu hỏi, một HS nêu câu trả lời.
- GV nhận xét và hướng dẫn HS làm việc theo cặp/ nhóm.
- + Từng HS nêu hình ảnh yêu thích trong bài đọc và giải thích lí do.
- + GV theo dõi các cặp/ nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong cặp/ nhóm.
- GV gọi đại diện một số cặp/ nhóm phát biểu. GV và HS lắng nghe và nhận xét. Tuy câu trả lời của câu hỏi này là mở nhưng GV cần lưu ý HS giải thích được lí do vì sao mình thích.

### 4. Luyện đọc lại

- HS lắng nghe GV đọc diễn cảm cả bài đọc.
- HS tập đọc diễn cảm theo GV.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm từ chỉ đặc điểm của mưa có trong bài đọc.*

- GV mời một HS đọc câu hỏi trong SHS.
- GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp/ nhóm.
- + Từng nhóm thảo luận và ghi kết quả thảo luận vào vở.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- + Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất đáp án (*dầm dề, sụt mướt*).

**Câu 2.** *Tìm thêm từ ngữ tả mưa.*

- Cả lớp:
- + GV mời một HS đọc yêu cầu của bài.
- + GV mời 1 - 2 HS làm mẫu.
- GV nhận xét và hướng dẫn HS làm việc theo cặp/ nhóm.
- + Từng nhóm thảo luận và ghi kết quả thảo luận vào vở.
- + GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- + Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. VD: *ào ào, tí tách, lộp bộp,...*

## TIẾT 3

### VIẾT

#### 1. Nghe - viết

- GV (hoặc một HS) đọc cả đoạn (từ *Đồng ruộng* đến *đồng sâu*); 2 - 3 HS đọc lại.
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
- + Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
- + Chữ dễ viết sai chính tả: *ruộng, sa, ròng, trong, xuôi, sâu,...*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả.
- + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ (*Đồng ruộng,/ vườn tược/ và cây cỏ/ như biết giữ lại hạt phù sa/ ở quanh mình,/ nước lại trong dần.// Ngồi trong nhà,/ ta thấy cả những đàn cá ròng ròng,/ từng đàn,/ từng đàn theo cá mẹ/ xuôi theo dòng nước,/ vào tận đồng sâu.//*). Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần. GV cần đọc chính xác, rõ ràng, chậm rãi phù hợp tốc độ viết của HS.
- + Sau khi đọc xong đoạn viết, GV đọc lại một lần cả đoạn và yêu cầu HS soát lỗi.
- + HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.
- + GV kiểm tra bài tập viết của HS và chữa nhanh một số bài. GV nhận xét.

## 2. Tìm tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- HS làm việc nhóm, quan sát tranh và tìm từ ngữ gọi tên sự vật trong tranh.
- Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất đáp án:
  - + Hình 1: cầu/ cây cầu.
  - + Hình 2: cá/ con cá.
  - + Hình 3: kiến/ con kiến.
- HS viết từ ngữ tìm được vào vở (nếu còn thời gian).
- 1 – 2 HS nhắc lại quy tắc chính tả *c/ k* (*k + e, ê, i*).
- HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

## 3. Chọn a hoặc b.

Đây là bài chính tả tự chọn. Bài a là BT phương ngữ Bắc, bài b là BT phương ngữ Nam. GV cho HS làm BT chính tả phù hợp với vùng miền.

a. *Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.*

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- HS làm việc nhóm, trao đổi thống nhất chọn *ch* hoặc *tr* thay cho mỗi ô vuông.
- Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất đáp án: *cây tre, che mưa; chải tóc, trải nghiệm; quả chanh, bức tranh.*
- HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

b. *Tìm từ ngữ có tiếng chứa ac hoặc at.*

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
- GV phân tích mẫu: trong *hạt cát, hạt* và *cát* chứa *at*; trong *củ lạc, lạc* chứa *ac*.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi theo nhóm, tìm thêm các từ chứa *ac* hoặc *at* và ghi vào phiếu BT. Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.
- GV và HS tuyên bố đội chiến thắng.

## TIẾT 4

### LUYỆN TỪ VÀ CÂU

#### 1. Nói tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Bắc.

- GV hướng dẫn HS: Ở BT1 có 4 tranh vẽ về cảnh vật trong các mùa khác nhau ở miền Bắc. Hãy quan sát kỹ từng tranh, cho biết mỗi tranh vẽ cảnh vật trong mùa nào (xuân – hạ – thu – đông) và nêu đặc điểm các mùa được thể hiện trong mỗi tranh.
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm: cùng nhận xét về cảnh vật trong mỗi tranh, sau đó một số HS phát biểu trước lớp. (VD: Tranh 1. Cảnh mùa xuân: tranh vẽ hoa đào nở rộ

xen lẫn chồi non xanh, cỏ cây xanh tươi, mọi người đi chơi xuân; Tranh 2. Cảnh mùa hạ: tranh vẽ con đường có hàng phượng vĩ nở đỏ rực, ánh nắng mặt trời chói lóa; Tranh 3. Cảnh mùa thu: tranh vẽ bầu trời trong xanh, hồ nước trong xanh, lá cây chuyển sang màu vàng, vài chiếc lá vàng rụng xuống hồ nước,...; Tranh 4. Cảnh mùa đông: tranh vẽ cây cối trơ cành khẳng khiu, bầu trời xám, không thấy ánh mặt trời,...).

– GV mở rộng và huy động những trải nghiệm của HS (HS hoạt động nhóm): Đây là 4 bức tranh gợi tả cảnh vật trong 4 mùa ở miền Bắc nước ta. Đó là các mùa: xuân – hạ – thu – đông. Dựa vào 4 bức tranh, HS nói những hiểu biết của mình về đặc điểm thời tiết/ khí hậu, cây cối,... của mỗi mùa, nêu đặc điểm của một mùa mình biết rõ nhất.

+ HS trình bày ý kiến trong nhóm.

+ Đại diện các nhóm phát biểu trước lớp.

– GV có thể dựa theo ý kiến phát biểu của HS để viết dẫn các thông tin vào bảng:

Mùa	Đặc điểm
Mùa xuân	– ấm áp, nắng nhẹ – cây cối đâm chồi nảy lộc, nhiều loài hoa nở (hoa đào, hoa mai...)
Mùa hạ	– nóng bức, oi ả, nắng gắt/ chói chang; có mưa rào – cây xanh lá, nhiều quả chín
Mùa thu	– lành lạnh (se lạnh), bầu trời trong xanh, nắng nhẹ, gió nhẹ (gió heo may) – một số cây thưa lá/ rụng lá, một số cây lá úa vàng
Mùa đông	– lạnh, khô hanh, rét buốt, ít mưa, mưa phùn gió bắc, trời u ám – một số loài cây trơ cành, trụi lá

## 2. Nói tên mùa và đặc điểm của các mùa ở miền Nam.

GV hướng dẫn HS thực hiện BT này tương tự như BT1. HS quan sát tranh, tả cảnh vật trong mỗi tranh, nói tên mùa và đặc điểm mỗi mùa (dựa vào tranh minh họa và những hiểu biết riêng của mình về mùa khô và mùa mưa ở miền Nam). (VD: Tranh 1. Cảnh mùa mưa: tranh vẽ cây cối tươi tốt trong mưa; Tranh 2. Cảnh mùa khô: tranh vẽ đất đai nứt nẻ vì khô hạn, thiếu nước.)

Mùa	Đặc điểm
Mùa mưa	– mưa nhiều, mát mẻ, mưa đến rất nhanh và đi cũng rất nhanh, vừa mưa đã nắng; đôi khi mưa rả rích kéo dài cả ngày;... – cây cối tươi tốt, mơn mớn,...
Mùa khô	nắng nhiều, ban ngày trời nóng, mưa rất ít

## 3. Chọn dấu chấm hay dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.

– GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

– GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm để đặt *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* cuối câu vào đúng vị trí.

– Đại diện (2 – 3) nhóm lên trình bày kết quả trước lớp (có thể đặt *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* vào vị trí thích hợp của các câu được ghi trên bảng phụ). GV và HS chốt đáp án (*Ở miền Bắc, mùa nào trời lạnh?/ Ở miền Bắc, mùa đông trời lạnh.; Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa nào?/ Ở miền Nam, nắng nhiều vào mùa khô.; Sau cơn mưa, cây cối như thế nào?/ Sau cơn mưa, cây cối tốt tươi.*).

– Một số HS đọc to các câu đã được điền *dấu chấm* và *dấu chấm hỏi* (GV lưu ý HS ngắt giọng ở những vị trí có *dấu phẩy*).

## TIẾT 5 – 6

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN

#### 1. Quan sát các hình trong SHS.

a. *Kể tên các đồ vật.*

– Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS quan sát từng hình.

– HS làm việc nhóm, lần lượt kể tên các đồ vật trong hình.

– Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án (Các đồ vật trong hình là: *nón, ô (dù), mũ, khăn, áo mưa, quạt điện, quạt giấy*).

b. *Chọn 1 – 2 đồ vật yêu thích và nói về đặc điểm, công dụng của chúng.*

– HS làm việc nhóm, từng em chọn 1 – 2 đồ vật yêu thích và nói về đặc điểm, công dụng của đồ vật đó (VD: *nón có hình chóp được dùng để che mưa, che nắng; mũ được đan bằng len dùng để đội đầu vào mùa lạnh;...*).

– Một số nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét.

#### 2. Viết 3 – 5 câu tả một đồ vật em cần dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.

– HS đọc yêu cầu của bài.

– GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm, dựa vào sơ đồ trong SHS, nói 3 – 5 câu về một đồ vật ở BT1 hoặc một đồ vật khác nhưng đồ vật đó phải được sử dụng để tránh nắng hoặc tránh mưa.

– Dựa vào kết quả nói và sơ đồ gợi ý, HS làm việc cá nhân, viết thành đoạn văn 3 – 5 câu vào vở. GV lưu ý HS: mỗi câu trong đoạn tương ứng với câu trả lời cho các câu hỏi gợi ý trong SHS. Trật tự sắp xếp của các câu trong đoạn cũng nên theo thứ tự các câu hỏi.

– Một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét.

### ĐỌC MỞ RỘNG

#### 1. Tìm đọc một câu chuyện, bài thơ viết về các mùa trong năm.

Trong buổi học trước, GV giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một câu chuyện, bài thơ về các mùa trong năm. Có thể tìm đọc một số bài thơ như: *Dàn hợp xướng mùa hè* (Nguyễn Lâm Thắng); *Mùa xuân, mùa hè* (Trần Đăng Khoa); *Mùa thu đến* (Kim Chuông);

*Hoa cúc vàng* (Nguyễn Văn Chương);... GV có thể chuẩn bị một số câu chuyện, bài thơ phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.

## 2. Chia sẻ với các bạn điều em thích nhất trong câu chuyện, bài thơ đã đọc.

- HS đọc yêu cầu của bài.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2 hoặc nhóm 3, nhóm 4 để thực hiện yêu cầu của BT.
- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày trước lớp.
- GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS chia sẻ được nhiều điều trong câu chuyện, bài thơ mà HS đã đọc.

### CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài *Mùa nước nổi*, các em đã:
  - + Đọc hiểu VB *Mùa nước nổi*.
  - + Viết chính tả một đoạn ngắn theo hình thức nghe - viết và hoàn thành BT chính tả âm vần về *c/ k, ch/ tr* hoặc *ac/ at*.
  - + Phát triển vốn từ về các mùa, nói được tên và đặc điểm của các mùa ở miền Bắc và miền Nam nước ta; biết cách dùng *dấu chấm, dấu chấm hỏi* trong câu.
  - + Viết đoạn văn ngắn tả một đồ vật em cần dùng để tránh mưa hoặc tránh nắng.
  - + Đọc mở rộng một câu chuyện, bài thơ về các mùa trong năm.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

KẾT NỐI TRI THỨC